

VẤN ĐỀ TẠO HỨNG THÚ CHO NGƯỜI HỌC KHI GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC VÀ CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

○ THS. NGUYỄN HOÀI SANH*

1. Tạo hứng thú (HT) cho người học luôn là một vấn đề quan trọng trong hoạt động dạy học - bởi đây là một hoạt động phức tạp, trong đó chất lượng, hiệu quả cơ bản phụ thuộc vào chủ thể nhận thức (người học) với nhiều yếu tố, như: năng lực nhận thức, động cơ học tập, sự quyết tâm... (yếu tố chủ quan), môi trường học tập, người tổ chức quá trình dạy học, sự HT trong học tập (yếu tố tương tác). Ở đây chúng tôi quan niệm, sự HT trong học tập như là hệ quả của các yếu tố tương tác.

Các nhà nghiên cứu tâm lý học cho rằng, HT là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó; nó có ý nghĩa đối với cuộc sống và có khả năng mang lại khoái cảm cá nhân trong quá trình hoạt động. HT biểu hiện trước hết ở sự tập trung chú ý cao độ; sự say mê của chủ thể hoạt động và gắn liền với tình cảm con người. Trong bất cứ công việc gì, nếu có HT làm việc, con người sẽ có cảm giác dễ chịu với hoạt động, làm nảy sinh khát vọng hành động một cách có sáng tạo. Ngược lại, nếu không có HT, con người cũng sẽ không đem lại hiệu quả cao trong bất kì hoạt động gì - nhất là trong các hoạt động nhận thức, sáng tạo và thậm chí xuất hiện cảm xúc tiêu cực. Trong hoạt động học tập cũng vậy, nếu việc học mang tính đối phó, miễn cưỡng, người học may mắn chỉ tiếp thu được một lượng kiến thức rất ít, không sâu, không bản chất (và vì thế cũng rất dễ quên).

Biện chứng của vấn đề này là ở chỗ: khi có HT, say mê trong nghiên cứu, học tập - việc lĩnh hội tri thức trở nên dễ dàng hơn; và khi nắm bắt được vấn đề (hiểu được bài) - người học lại có thêm HT. Trên thực tế, những người không thích, không HT khi học môn học nào đó thường sẽ không học tốt môn học đó. Chính vì vậy, việc tạo hứng thú cho người học được xem là yêu cầu bắt buộc đối với bất cứ ai làm công tác giảng dạy cũng như bất cứ bộ môn khoa học nào.

Đối với triết học nói riêng, các môn lý luận chính trị nói chung, với những kiến thức khó, trừu tượng..., «khô khan», dĩ nhiên cũng khó tạo sự HT hơn. Vì vậy, việc tạo HT lại càng cần được quan tâm nhiều hơn.

2. Làm thế nào để tạo HT cho người học khi giảng dạy triết học? Đây là một câu hỏi khó, không có một cách thức, giải pháp chung cho mọi người. Sự HT của người học phụ thuộc nhiều yếu tố như phương pháp giảng dạy, phong cách, ngôn ngữ, cách thức tổ chức quá trình học tập của giảng viên; chương trình, giáo trình,...

Để tìm hiểu ý kiến của SV xung quanh vấn đề HT học tập triết học, chúng tôi khảo sát 100 SV đã học triết học theo phương pháp «chọn mẫu ngẫu nhiên» bằng các câu hỏi:

1) «*Bạn đã bao giờ cảm thấy buồn ngủ khi tham gia các giờ học trên giảng đường chưa?*»: 26% trả lời «*có*»; 66%: «*thỉnh thoảng*»; 8%: «*chưa*»; 0%: «*thường xuyên*».

2) «*Bạn đã bao giờ có cảm giác sợ đến giờ học triết học chưa?*»: 28% trả lời «*chưa*»; 52%: «*đôi khi*»; 4%: «*thường xuyên*»; 16%: «*bình thường như các giờ học khác*».

3) «*Điều gì làm cho bạn cảm thấy nhàm chán nhất khi tham gia các giờ học trên giảng đường?*»: 66% trả lời «*do phong cách của người dạy*»; 12%: «*nội dung bài học, môn học*»; 16%: «*việc sử dụng phương pháp*»; 0%: «*việc sử dụng phương tiện dạy học*».

4) «*Điều gì quan trọng nhất tạo HT cho người học?*»: 80% trả lời «*nghe thuật của người dạy*»; 7%: «*ý thức, trạng thái của người học*»; 10%: «*do đặc thù môn học quyết định*»; 3%: «*do các yếu tố, điều kiện khác*».

5) «*Theo bạn, không khí lớp học quyết định như thế nào đến việc tạo HT cho người học?*»: Có 38% cho rằng «*đóng vai trò quyết định*»; 52%:

* Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Hà Tĩnh

«rất quan trọng»; 5%: «bình thường»; 5%: «không quan trọng lắm».

6) «Yếu tố gì quyết định đến không khí của lớp học?»: 32% cho rằng do «cách thức tổ chức giờ học của giảng viên»; 40%: «phương pháp mà giảng viên sử dụng»; 10%: «tâm quan trọng của bài học»; 18%: «ý thức của người học»..

7) «Theo bạn, trong các giờ học, giảng viên có nên tạo một vài tình huống hài hước không?»: 10% cho rằng «không nên»; 26%: «nên» (vì nó góp phần thay đổi không khí lớp học); 64%: «rất nên», nhưng phải gắn với nội dung bài học. 0%: «tuyệt đối không».

Kết quả trên cho thấy: nhiều SV không có HT khi tham gia các giờ học triết học trên lớp là sự thật. Điều này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố (chương trình, giáo trình...). Tuy nhiên, ở đây chúng tôi chỉ xét trong quan hệ tương tác người dạy - người học.

Theo GS. TS. Nguyễn Trọng Chuẩn, hiện tượng người học không HT với triết học «không phải lỗi của sinh viên» (1). Chúng tôi còn cho rằng, đó không phải lỗi tại ... triết học mà phụ thuộc nhiều vào người dạy triết học, cách dạy triết học, người học triết học (một phần nào đó).

Bên cạnh đó, cũng có thể thấy, đa số ý kiến được hỏi đều trả lời: yếu tố quan trọng nhất tạo nên sự HT hay không HT cho người học phụ thuộc nhiều vào người dạy học mà cụ thể là ở cách thức tổ chức giờ dạy của giảng viên và «nghệ thuật» dạy học của họ khi lên lớp. Kết quả trên cũng khẳng định, việc có hay không có HT trong học tập có ảnh hưởng quan trọng như thế nào đến chất lượng học tập.

Khi ta tiếp cận một bài thơ, nhiều khi người đọc thích nó mà không giải thích được vì sao (thậm chí cũng không cần phải trả lời câu hỏi đó). Đơn giản, chỉ là thích, là yêu, như yêu một bản nhạc, một bức tranh. Tất nhiên, khi hiểu được cái hay, cái đẹp của nó thì cảm xúc thẩm mĩ ở người đọc sẽ ở một mức độ sâu hơn. Nhưng với tri thức triết học thì lại khác: nếu không hiểu về quy luật đó, không thấy được giá trị của nó trong thực tiễn đối với việc giải thích các hiện tượng, định hướng hành động với tư cách là thế giới quan thì người ta sẽ không thích, không có HT về nó. Người dạy triết học phải làm cho người học thích triết học, thích học triết học. Muốn vậy, họ phải biến các bài dạy triết học sao cho mức độ phù hợp với người học. Kiến thức các nguyên lí, quy luật thì

không thay đổi. Nhưng tùy với đối tượng có trình độ nhận thức như thế nào mà người dạy có thể truyền đạt mức độ khác nhau. Và đặc biệt, điều quan trọng nhất là phải «giản dị hoá» các kiến thức triết học bằng cách đưa các tri thức triết học có tính chất hàn lâm, kinh viện về gần với cuộc sống hơn, dễ hiểu hơn với người học. Phải làm cho người học thấy được triết học, nhất là triết học Mác - Lênin thực sự là triết học cuộc sống, có ích cho cuộc sống, có ích cho người học. Bất cứ hiện tượng nào đó của cuộc sống, xét đến cùng đều có thể sử dụng kiến thức triết học để soi sáng, lí giải, và cao hơn, là cải tạo cuộc sống. Đối với triết học Mác - Lênin, các nguyên lí, quy luật, phạm trù..., các luận giải về sự vận động, phát triển của xã hội loài người đều được tổng kết từ thực tiễn. Nó không là sản phẩm của trí tưởng tượng thuần túy, tư biện nên việc gắn nó với thực tiễn cuộc sống là yêu cầu sống còn. Triết học mà xa rời cuộc sống sẽ trở nên thuần túy lí thuyết, không có sức sống, người học không thấy cái hay, cái đẹp, cái có ích và tất nhiên là không có HT khi học.

3. Theo chúng tôi, để tạo HT cho SV khi học triết học, người dạy cần:

1) Yêu triết học, yêu thích công việc giảng dạy triết học với cả tâm huyết, say mê, nhiệt tình, biết truyền «tình yêu» đến với người học.

2) Gắn triết học với hiện thực cuộc sống. Đây cũng là một nguyên tắc cơ bản của giáo dục. Trong giảng dạy triết học, người dạy có thể đưa các kiến thức triết học gắn với đời sống thực tiễn, liên hệ với thực tiễn bằng cách lấy các ví dụ. Việc lấy các ví dụ thành công cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp người học hiểu bài và nhất là có thể tạo sự HT cho người học. Muốn vậy, ví dụ trước hết phải phù hợp, đúng, điển hình, hay hài hước (nếu có thể). Như thế, triết học sẽ trở nên nhẹ nhàng, vui vẻ, giảm sự căng thẳng, dễ tạo HT cho người học, đặc biệt là người học dễ nhớ bằng các liên hệ thực tiễn chứ không phải nhớ máy móc các kiến thức sách vở.

3) Làm chủ được giờ học, thấy được tín hiệu ngược chiều từ người học để chủ động thay đổi, điều chỉnh nhịp độ giờ giảng; tránh tình trạng «đều đều, buồn buồn», thầy giảng còn trò làm việc riêng.

4) Tạo không khí lớp học nhẹ nhàng, không căng thẳng, đừng làm người học «sợ» (từ sợ thầy cô giáo dẫn đến sợ và chán môn học).

(Xem tiếp trang 53)

ta được: $S_{\Delta ABG} = S_{\Delta AGC} = S_{\Delta GBC}$, dẫn tới các đường cao hạ từ B và C xuống AG bằng nhau nên $S_{\Delta BGK} = S_{\Delta CGK}$.

Vì hai tam giác BGK và CGK có chung đường cao hạ từ đỉnh G nên đáy $BK = KC$, hay K là trung điểm của BC, tức K trùng D. Vậy AD, BN, CM cắt nhau tại một điểm.

b) Theo câu a) các điểm M, N, D là trung điểm của các cạnh AB, AC, BC nên chúng chia các tam giác ABG, ACG, BCG thành 6 tam giác có diện tích bằng nhau. Như vậy, $S_{\Delta ABG} = \frac{2}{3} \times S_{\Delta ABD}$. Hai tam giác ABG và ABD chung đường cao hạ từ B xuống đáy AD nên $AG = \frac{2}{3} AD$, hay $\frac{AG}{AD} = \frac{2}{3}$. Tương tự, ta

$$\text{được: } \frac{BG}{BN} = \frac{CG}{CM} = \frac{2}{3}. \text{ Vậy: } \frac{AG}{AD} = \frac{BG}{BN} = \frac{CG}{CM} = \frac{2}{3}.$$

Bài toán này thực chất là tính chất ba đường trung tuyến của tam giác trong SGK (Toán 7, tập 2): Ba đường trung tuyến của tam giác cùng đi qua một điểm. Điểm đó cách mỗi đỉnh một khoảng bằng

$\frac{2}{3}$ độ dài đường trung tuyến đi qua đỉnh ấy.

Với nội dung kiến thức trong chương trình toán ở tiểu học còn hạn hẹp, NL tư duy còn hạn chế, song bằng phương pháp diện tích, HS tiểu học có thể chứng minh được một số tính chất của các hình ở cấp học này. Nhờ giải những bài toán như vậy, NL tiền chứng minh của HS được rèn luyện, bồi dưỡng và phát triển. Vì vậy, trong chương trình đào tạo ở các trường sư phạm, cần đưa thêm các chuyên đề chuyên sâu, giúp sinh viên sớm có ý thức về vấn đề bồi dưỡng NL tư duy cho HS tiểu học; tổ chức các buổi hội thảo theo chuyên đề, chẳng hạn: chuyên đề về các bài toán diện tích, cắt ghép hình, bài toán phân tích tổng hợp hình,... để không những giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giải toán mà còn giúp họ có niềm say mê, yêu nghề và định hướng nghề nghiệp trong tương lai ý thức bồi dưỡng NL tiền chứng minh cho HS ở tiểu học. □

Tài liệu tham khảo

1. Toán 5, Toán 7, Toán 8. NXB Giáo dục, H. 2009.
2. Hà Sĩ Hồ. Những vấn đề cơ sở của phương pháp dạy học toán tiểu học. NXB Giáo dục, H. 1990.
3. Hoàng Chúng. Phương pháp dạy học toán học. NXB Giáo dục, H. 1978.
4. Đỗ Trung Hiệu - Đỗ Đình Hoan - Hà Sĩ Hồ. Phương pháp dạy học toán tiểu học. NXB Giáo dục, H. 1993.

Hệ thống bài tập...

(Tiếp theo trang 45)

8) Anh/chị có nhận xét gì về ngôn ngữ người kể chuyện, ngôn ngữ nhân vật và giọng điệu trần thuật trong «Chiếc thuyền ngoài xa»?

Hệ thống BT rèn luyện kỹ năng đọc hiểu TP tự sự rất phong phú, đa dạng. Tùy thuộc vào tổ chức nghệ thuật đặc thù của từng văn bản tự sự cụ thể mà lựa chọn, vận dụng BT dạng này hay dạng khác, không nhất thiết TP nào cũng vận dụng đầy đủ các loại hình BT. Nói cách khác, BT cần được vận dụng trên tinh thần tích hợp, linh hoạt và sáng tạo nhằm từng bước rèn luyện cho HS năng lực, kỹ năng đọc hiểu các văn bản cùng loại một cách tích cực, chủ động. □

(1) Mai Xuân Miên. “Một số nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng đọc hiểu tác phẩm tự sự cho học sinh trung học phổ thông”. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Quy Nhơn, Tập IV, số 1/2010, tr. 37-48.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thái Hòa. Những vấn đề thi pháp của truyện. NXB Giáo dục, H. 2000.
2. Nguyễn Thanh Hùng. Đọc - hiểu tác phẩm văn chương trong nhà trường. NXB Giáo dục, H. 2008.
3. Trần Đình Sử (chủ biên). Tự sự học - Một số vấn đề lí luận và lịch sử, phần 1, 2. NXB Đại học sư phạm, H. 2004, 2008.
4. Tzvetan Todorov. Thi pháp văn xuôi. NXB Đại học sư phạm, H. 2004.

Vấn đề tạo hứng thú...

(Tiếp theo trang 50)

Đây là vấn đề phức tạp và không có khuôn mẫu chung cho mọi người. Những ý kiến trên hoàn toàn mang tính chủ quan từ kinh nghiệm nhiều năm giảng dạy của người viết. Rất mong được sự góp ý trao đổi của các đồng nghiệp. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trọng Chuẩn. “Đổi mới việc dạy triết học trong nhà trường đại học ở nước ta hiện nay”. Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 11/2007.
2. Chuyên đề: “Nâng cao hứng thú học tập cho học sinh - một trong những yêu cầu của đổi mới phương pháp giảng dạy”. Website: www.hanoi.edu.vn.
3. Nguyễn Thị Hoài Linh. “Phát huy vai trò của người dạy trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy học đại học”. Website: www.ou.edu.vn.